

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HS-ST**

Ngày: 25-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa

Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ văn hoá: không biết chữ. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Phật. Họ tên cha: Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm: 1932. Họ tên mẹ: Đặng Thị T, sinh năm 1944. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 3 chị em và có 03 con. Con lớn nhất sinh năm: 1990 và con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/ 6/2020 đến nay.

- Bị hại: Anh Phạm Quốc M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người làm chứng: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 25/8/2003

- Đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Đội 4, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/6/2020, Nguyễn Thị L nhờ cháu ruột là Nguyễn Thị H – sinh năm: 2003 (tạm trú tại: Đội 4, ấp V, xã G, huyện Thống Nhất) điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Wave BKS: 60M7-6379 chở mình đến tiệm vàng Kim Trinh (ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai) do anh Phạm Quốc M – sinh năm: 1979, (Trú tại: ấp B, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai) là chủ cơ sở, để đi chuộc lại các tài sản đã cầm cố trước đây (gồm 01 dây chuyền vàng trọng lượng 1,1 chỉ; 02 nhẫn vàng mỗi cái trọng lượng 01 chỉ). Khi đến nơi, cháu H đi ăn sáng còn L vào gặp anh M, xin anh M cho mình chuộc lại 01 dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng, chiếc nhẫn còn lại tiếp tục cầm cố và đóng tiền lãi.

Anh M đồng ý và lấy cả 03 tài sản mà L đã cầm cố đặt lên mặt kính của tủ đựng vàng cho L kiểm tra và chuộc lại tài sản. Lợi dụng sơ hở của anh M không để ý, trong lúc anh M đang tính toán tiền chuộc và tiền lãi, L đã lén lút lấy cả 02 chiếc nhẫn cất vào trong túi áo bên phải của mình. Sau khi tính tiền chuộc và tiền lãi xong, anh M thấy trên mặt kính vẫn đang để sợi dây chuyền nên nhắc bà L nhận lại và cất giữ. L cầm sợi dây chuyền vàng cất vào trong túi áo bên phải của mình. Lúc này, anh M quan sát không thấy chiếc nhẫn vàng còn lại mà L tiếp tục cầm cố để đóng tiền lãi nên hỏi thì L trả lời là: không biết, không lấy chiếc nhẫn nói trên. Sau đó hai bên tranh cãi với nhau về chiếc nhẫn, cùng lúc này thì cháu H quay trở lại tiệm vàng để xin bà L tiền trả tiền ăn sáng. L liền lấy từ trong túi áo bên trái ra một xấp tiền, sau đó lấy 01 chiếc nhẫn vàng chiếm đoạt được ở túi áo bên phải kẹp vào giữa xấp tiền nói trên rồi đưa cho cháu H, sau đó cháu H cầm xấp tiền rời khỏi tiệm vàng. Trong lúc lấy tiền để trả tiền ăn sáng, cháu H phát hiện có 01 chiếc nhẫn vàng được để bên trong xấp tiền, nghĩ là chiếc nhẫn này Lê đã chuộc, đưa cho mình cất nên cháu H đã cất chiếc nhẫn và số tiền thừa vào trong cốp xe mô tô, sau đó cháu H quay trở lại tiệm vàng để chở L về. Do L không thừa nhận lấy trộm vàng nên anh M đã xem lại camera nhà mình và yêu cầu L trả lại nhưng L không thừa nhận nên anh M đã báo cơ quan Công an làm việc. Qua làm việc L đã khai nhận hành vi vi phạm của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 538/KL-HĐĐG ngày 22/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thống Nhất kết luận: 01 nhẫn vàng trơn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K 9999, mặt trong thân nhẫn có khắc ký hiệu 1C 24K 9999, K. TRINH, thời điểm định giá 16/6/2020, có giá trị là 4.740.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

Về vật chứng của vụ án:

- 01 nhẫn vàng trơn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K 9999, mặt trong thân nhẫn có khắc ký hiệu 1C 24K 9999, K. TRINH cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã thu giữ. Ngày 11/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất ra Quyết định số 40/QĐ xử lý vật chứng là trao trả lại cho người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Quốc M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS-TN ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử về án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại – anh Phạm Quốc M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng sáng ngày 16/6/2020 tại tiệm vàng Kim Trinh thuộc ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng lúc bị hại anh Phạm Quốc M là chủ tiệm vàng sơ hở, Nguyễn Thị L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 nhẫn vàng trơn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K 9999, mặt trong thân nhẫn có khắc ký hiệu 1C 24K 9999, K.TRINH của anh Phạm Quốc M. Tài sản thiệt hại được định giá là 4.740.000đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị L thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “... trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...”. Do đó, Cáo trạng số 75/CT-VKS-TN ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội mang tính bột phát, nhất thời. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo L luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản chiếm đoạt giá trị không lớn, sau khi vụ án xảy ra, tài sản đã được thu hồi trao trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L. Mặt khác, bị cáo là người dân tộc Kmer, không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế; Ngoài ra, bị cáo bị bệnh suy tim độ III, có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Nguyễn Thị L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Nhận thấy, việc không cách ly bị cáo để cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, giao chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo thành công dân tốt.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...”. Tuy nhiên, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

- Bị hại - anh Phạm Quốc M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về vật chứng vụ án:* 01 nhẫn vàng trơn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K 9999, mặt trong thân nhẫn có khắc ký hiệu 1C 24K 9999, K.TRINH của anh Phạm Quốc M đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại anh Phạm Quốc M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thống nhất;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện.Thống Nhất;
- Chi cục THADSH. Thống Nhất;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA